

Số: 193/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án HNGĐ thụ lý số 185/2026/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2026 giữa:

* **Nguyên đơn:** Anh Đào Xuân D, sinh năm 1986

* **Bị đơn:** Chị Đào Thị N, sinh năm 1985

Đều trú tại: Số nhà A, đường L, tổ A, phường T, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 54; 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đào Xuân D và chị Đào Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Xuân D và chị Đào Thị N nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đào Thị Thu T, sinh ngày 04/12/2010 và cháu Đào Xuân Tuấn A, sinh ngày 19/10/2012

Khi ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận, chị Đào Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đào Thị Thu T và cháu Đào Xuân Tuấn A cho đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh D được quyền đi lại thăm nom con chung

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thống nhất, anh Đào Xuân D tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con là Đào Thị Thu T và Đào Xuân Tuấn A với số tiền 6.000.000 đồng/ tháng/ 2 con (Sáu triệu đồng/ tháng/ 2 con) cho đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

2.4. Án phí: Anh Đào Xuân D tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con vào ngân sách Nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001037 ngày 18 tháng 03 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND khu vực 1- Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 1- Thái Nguyên;
- UBND phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân